

## QUYỂN 2

### 33. SẮC KHÔNG PHẢI LÀ NGÃ<sup>1</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Sắc không phải là ngã. Nếu sắc là ngã thì không thể có bệnh, khổ sanh ra nơi sắc và đối với sắc cũng không thể ước muốn nó trở nên như vậy hoặc không trở nên như vậy. Vì sắc là vô ngã cho nên có bệnh, khổ sanh ra nơi sắc và đối với sắc cũng có thể ước muốn nó trở nên như vậy hoặc không như vậy.

Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế.

Này các Tỳ-kheo! Ý thầy nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, là vô thường!

– Này các Tỳ-kheo! Nếu là vô thường, có phải là khổ chăng?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, là khổ!

– Này các Tỳ-kheo! Nếu là vô thường, là khổ, là pháp đổi thay thì vị Thánh đệ tử đa văn có nên ở trong đó thấy sắc là ngã, khác ngã, hoặc tồn tại trong nhau chăng?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

– Không nên, bạch Thế Tôn!

– Thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế.

Do vậy, này các Tỳ-kheo! Những gì thuộc về sắc ở quá khứ, ở tương lai hay hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần thì phải quán sát chân thật hết thảy chúng đều không phải ngã, không khác ngã, cũng không tồn tại trong nhau. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

<sup>1</sup> Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.33. 0007b22). Tham chiếu: *Tạp. 雜* (T.02. 0099.34. 0007c13); *Ngũ uân giai không kinh* 五蘊皆空經 (T.02. 0102. 0499c05); *Ngũ phân luật* 五分律 (T.22. 1421.15. 0101a08); *Tứ phân luật* 四分律 (T.22. 1428.31. 0779a02); S. 22.59 - III. 66.

Này các Tỳ-kheo! Vị Thánh đệ tử đa văn quán sát chân thật đối với năm thủ uẩn này không phải là ta, không phải của ta. Quán sát chân thật như vậy rồi<sup>2</sup> thì đối với các thế gian không có gì để nắm giữ; vì không có gì để nắm giữ cho nên không có gì vướng mắc; vì không có gì vướng mắc cho nên tự mình giác ngộ Niết-bàn: “Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*\*

### 34. NĂM VỊ TỖ-KHEO<sup>3</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại Vườn Nai, trú xứ của Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với năm vị Tỳ-kheo:

– Sắc không phải là ngã. Nếu sắc là ngã thì đã không có bệnh, khổ sanh ra nơi sắc và đối với sắc thì cũng không thể ước muốn nó trở nên như vậy hoặc không nên như vậy. Vì sắc vô ngã cho nên mới có bệnh, khổ sanh ra nơi sắc và đối với sắc thì cũng có thể ước muốn nó trở nên như vậy hay không nên như vậy.

Đối với thọ, tưởng, hành, thức thì cũng như thế.

Này các Tỳ-kheo! Ý thầy nghĩ thế nào, sắc là thường hay vô thường?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, là vô thường!

– Này các Tỳ-kheo! Nếu là vô thường, có phải là khổ chăng?

– Bạch Thế Tôn, là khổ!

– Này các Tỳ-kheo! Nếu là vô thường, là khổ, là pháp đổi thay thì vị Thánh đệ tử đa văn có nên ở trong đó thấy sắc là ngã, khác ngã, hay tồn tại trong nhau chăng?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, không nên!

– Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

Do vậy, này các Tỳ-kheo! Những gì thuộc về sắc ở quá khứ, ở tương lai hay hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần thì phải quán sát chân thật hết thảy chúng đều không phải là ta, không phải là của ta. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế.

<sup>2</sup> Nguyên tác: Như thật quán sát (如實觀察). Theo *Tap. 雜* (T.02. 0099.32. 0007a10): Như thị chánh quán (如是正觀). Cả hai trường hợp này có cùng cấu trúc theo văn hệ Pāli: *Yathābhūtaṃ sammappaññāya daṭṭhabba* (như thật quán với chánh trí tuệ), HT. Thích Minh Châu dịch.

<sup>3</sup> Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tap. 雜* (T.02. 0099.34. 0007c13). Tham chiếu: *Tap. 雜* (T.02. 0099.33. 0007b22); *Ngũ uẩn giai không kinh* 五蘊皆空經 (T.02. 0102. 0499c05); *Ngũ phân luật* 五分律 (T.22. 1421.15. 0101a08); *Tứ phân luật* 四分律 (T.22. 1428.31. 0779a02); S. 22.59 - III. 66.

Này các Tỳ-kheo! Đối với năm thủ uân này, vị Thánh đệ tử đa văn thấy không phải là ta, không phải của ta. Quán sát như vậy rồi thì đối với thế gian đều không có gì để nắm giữ; vì không có gì để nắm giữ cho nên không có gì vướng mắc; vì không có gì vướng mắc cho nên tự mình giác ngộ Niết-bàn: “Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh.”

Phật nói kinh này xong, năm vị Tỳ-kheo không khởi các lậu hoặc, tâm được giải thoát.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*\*

### 35. BA VỊ HIỀN GIẢ<sup>4</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Viên, thuộc nước Chi-đề.

Bấy giờ, có ba vị Hiền giả<sup>5</sup> xuất gia chưa bao lâu. Đó là Tôn giả A-nậu-luật-đà, Tôn giả Nan-đề và Tôn giả Kim-tỳ-la.<sup>6</sup>

Bấy giờ, Thế Tôn biết rõ ý nghĩ trong tâm họ, liền giáo giới rằng:

– Này các Tỳ-kheo! Tâm này, ý này, thức này;<sup>7</sup> hãy tư duy điều này, chớ tư duy điều này; hãy đoạn trừ dục này, hãy đoạn trừ sắc này, tự thân chứng ngộ và an trụ.<sup>8</sup>

Này các Tỳ-kheo! Có sắc nào thường còn, không thay đổi, tồn tại mãi không?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

– Thưa không, bạch Thế Tôn!

Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Lành thay! Lành thay! Sắc là pháp vô thường, đổi thay, đáng chán bỏ thì được ly dục, tịch diệt, vắng lặng, ngưng nghỉ.<sup>9</sup> Sắc từ xưa đến nay đều như vậy, hết thảy chúng đều là pháp vô thường, khổ đau, thay đổi. Sau khi biết như vậy thì tất cả mọi phiền não, tai hại, bứt rứt, lo buồn, sầu não vốn đã duyên vào sắc ấy mà sanh ra đều bị đoạn trừ. Sau khi đã đoạn trừ rồi thì không còn vướng mắc. Đã không còn vướng mắc thì được sống an lạc. Đã sống trong an lạc thì được Bát-niết-bàn. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế.

<sup>4</sup> Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.35. 0008a05).

<sup>5</sup> Nguyên tác: Chánh sĩ (正士), chỉ cho người đang tu tập theo điều chân chánh, nên thống nhất gọi là Hiền giả.

<sup>6</sup> Tôn giả A-nậu-luật-đà, Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tỳ-la (尊者阿菟律陀, 尊者難提, 尊者金毘羅). P. Anurudhā, Nandi, Kimbila.

<sup>7</sup> Nguyên tác: Thử tâm, thử ý, thử thức (此心, 此意, 此識, *cittam itipi, mano itipi, viññānam itipi*).

<sup>8</sup> Nguyên tác: Thân tác chứng cụ túc trụ (身作證具足住). P. *upasampajja viharanti* (chứng ngộ và an trụ).

<sup>9</sup> Nguyên tác: Ly dục, diệt, tịch, một (離欲, 滅, 寂, 沒). Tham chiếu: *Phân biệt lục giới kinh* 分別六界經 (T.01. 0026.162. 0692a18) ghi là “vô dục, diệt, tức, chỉ” (無欲, 滅, 息, 止).

Khi Phật nói kinh này, ba vị Hiền giả không khởi lên các lậu hoặc, tâm được giải thoát.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*\*

### 36. MƯỜI SÁU TỖ-KHEO<sup>10</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn xoài Tán Cái, bên bờ sông Bạt-đề, thuộc nước Ma-thâu-la.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Hãy an trú nơi hòn đảo của chính mình, hãy an trú và nương tựa nơi chính mình! Hãy an trú nơi hòn đảo Chánh pháp, hãy an trú và nương tựa nơi Chánh pháp, không phải hòn đảo nào khác, không phải nơi nương tựa nào khác!

Này các Tỳ-kheo! Phải chân chánh quán sát, hãy an trú nơi hòn đảo của chính mình, hãy nương tựa nơi chính mình. Hòn đảo chính là Chánh pháp, nơi nương tựa chính là Chánh pháp, không phải hòn đảo nào khác, không phải nơi nương tựa nào khác.

Do nguyên nhân gì mà lo buồn, khổ não phát sanh? Vì sao nó hiện hữu? Nguyên nhân của nó từ đâu? Vì sao lại bị trói buộc? Phải tự quán sát rằng, do đâu mà lo buồn, khổ não chưa sanh mà bây giờ lại sanh? Do đâu mà lo buồn, khổ não đã sanh rồi lại tăng trưởng thêm lên?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

– Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp. Kính mong Ngài thuyết giảng cho chúng con! Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ lãnh thọ và phụng hành.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng cho các thầy.

Này các Tỳ-kheo! Hãy tự mình quán sát, do sự hiện hữu của sắc, do nguyên nhân từ sắc, do sự trói buộc của sắc nên những lo buồn, khổ não chưa sanh thì nay lại sanh, đã sanh rồi thì tăng trưởng thêm lên; thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

Này các Tỳ-kheo! Có sắc nào thường hằng, không thay đổi và tồn tại mãi không?

Đáp:

– Thưa không, bạch Thế Tôn!

<sup>10</sup> Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.36. 0008a21). Tham chiếu: S. 22.43 - III. 42.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Lành thay! Lành thay! Nay các Tỳ-kheo, sắc là vô thường. Nếu người thiện nam biết rõ sắc là vô thường, là khô, là đổi thay thì được lia dục, diệt tận, tịch tĩnh, vắng lặng. Từ xưa đến nay, tất cả sắc đều là pháp vô thường, khổ đau, thay đổi. Biết như vậy rồi thì nếu sắc làm nhân duyên sanh ra lo buồn, khổ não sẽ bị đoạn trừ. Khi đã đoạn trừ sắc rồi thì không còn gì vướng mắc. Do không còn gì vướng mắc nên sống trong an lạc. Đã sống trong an lạc thì được gọi là Niết-bàn. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

Khi Phật nói kinh này, mười sáu Tỳ-kheo không khởi các lậu hoặc, tâm được giải thoát.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

\*

Kệ tóm tắt:

Trúc Viên, Tỳ-xá-ly,	Thanh tịnh, Chánh quán sát,
Vô thường, Khổ, Phi ngã,	Ngũ, Tam dữ Thập lục. <sup>11</sup>

\*\*\*

### 37. KHÔNG TRANH VỚI THẾ GIAN<sup>12</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Ta không tranh luận với thế gian, chỉ có thế gian tranh luận với Ta. Vì sao như vậy? Nay các Tỳ-kheo! Nếu ai nói đúng như pháp<sup>13</sup> thì người ấy không tranh luận với thế gian.

Những gì người trí trong thế gian nói là có<sup>14</sup> thì Ta cũng nói là có. Thế nào là người trí trong thế gian nói là có thì Ta cũng nói là có?

Này các Tỳ-kheo! Sắc là vô thường, là khô, là pháp đổi thay; người trí trong thế gian nói là có thì Ta cũng nói là có. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, là khô, là pháp đổi thay; người trí trong thế gian nói là có thì Ta cũng nói là có.

Những gì người trí trong thế gian nói là không thì Ta cũng nói là không. Người trí ở thế gian không nói rằng sắc là thường hằng, không thay đổi, tồn

<sup>11</sup> Nguyên tác Nhiếp tụng: 竹園, 毘舍離; 清淨, 正觀察; 無常, 苦, 非我; 五, 三與十六. Do đặt lại tựa đề nên Nhiếp tụng không trùng với tên kinh.

<sup>12</sup> Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.37. 0008b15). Tham chiếu: *Tạp. 雜* (T.02. 0099.38. 0008c08); S. 22.94 - III. 138.

<sup>13</sup> Nguyên tác: Như pháp ngữ giả (如法語者, *dhammavādī*).

<sup>14</sup> Nguyên tác: Thế gian trí giả ngôn hữu (世間智者言有, *atthisammatam loke paṇḍitānaṃ*).

tại mãi. Ta cũng không nói như vậy. Cũng vậy, người trí ở thế gian không nói rằng thọ, tưởng, hành, thức là thường hằng, không thay đổi, tồn tại mãi. Ta cũng không nói như vậy. Đó gọi là người trí trong thế gian nói là không thì Ta cũng nói là không.

Này các Tỳ-kheo! Có những pháp thuộc về thế gian ở trong thế gian<sup>15</sup> mà Ta đã tự biết rõ, tự giác ngộ rồi phân biệt, diễn nói, chỉ bày cho người; thế nhưng đối với kẻ mù ở trong thế gian, do không có mắt nên không biết, không thấy thì đó không phải là lỗi của Ta.

Này các Tỳ-kheo! Những pháp nào thuộc về thế gian ở trong thế gian mà Ta đã tự biết rõ, tự chứng ngộ rồi phân biệt, diễn nói, chỉ bày cho người; nhưng những kẻ mù không có mắt ở trong thế gian thì lại không biết, không thấy?

Đó là, này các Tỳ-kheo! Sắc là pháp vô thường, là khổ, là pháp đổi thay. Đó gọi là pháp thuộc về thế gian ở trong thế gian. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là pháp vô thường, là khổ, là pháp đổi thay. Đó là pháp những pháp thuộc về thế gian ở trong thế gian.

Này các Tỳ-kheo! Đó là những pháp thuộc về thế gian ở trong thế gian mà Ta đã tự hiểu rõ, tự chứng ngộ rồi phân biệt, diễn nói, chỉ bày cho người; thế nhưng đối với kẻ mù kia do không có mắt nên không biết, không thấy. Đối với kẻ mù không có mắt nên không biết, không thấy thì Ta biết làm sao được.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*\*

### 38. ĐỊNH DANH VỀ CÁI BÁT<sup>16</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Người đời làm nhiều nghề nghiệp thấp kém, tìm đủ mọi cách mưu sinh để mong được giàu sang thì người đời ai cũng đều biết. Như những điều mà thế gian biết, Ta cũng nói như vậy. Vì sao như thế? Vì đừng nghĩ rằng<sup>17</sup> Ta khác với người đời.

Này các Tỳ-kheo! Ví như cùng một món đồ dùng, nhưng người ở vùng này gọi nó là kiện-tý, nơi khác thì gọi là cái bát, có chỗ lại gọi là chủy-chủy-la, có chỗ gọi là giá-lưu, có chỗ gọi là tỳ-tất-đa, có chỗ gọi là bà-xà-na, có chỗ gọi là

<sup>15</sup> Nguyên tác: Thế gian thế gian pháp (世間世間法, *loke lokadhamma*).

<sup>16</sup> Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tap. 雜 (T.02. 0099.38. 0008c08)*. Tham chiếu: *Tap. 雜 (T.02. 0099.37. 0008b15)*; S. 22.94 - III. 138.

<sup>17</sup> Nguyên tác: Mạc lệnh (莫令). Theo *Chánh Pháp Hoa kinh từ điển (正法華經詞典)*, “lệnh” (令) có nghĩa mong mỏi, ước vọng.

tát-lao. Ta cũng nói như vậy, đúng theo sự hiểu biết của người ở các nơi ấy.<sup>18</sup> Vì sao như thế? Vì đừng nghĩ rằng Ta khác với người đời.

Cũng vậy, này các Tỳ-kheo! Có pháp thế gian mà Ta đã tự biết rõ, tự giác ngộ rồi phân biệt, giảng nói, chỉ bày cho người. Ta thấy, biết rồi mới nói. Thế nhưng đối với kẻ mù trong thế gian, do không có mắt nên không thấy, không biết. Đối với kẻ mù ở trong thế gian, do không có mắt nên không thấy, không biết thì Ta biết làm sao được.

Này các Tỳ-kheo! Những pháp nào thuộc về thế gian ở trong thế gian mà Ta đã tự biết rõ, tự giác ngộ,... (*cho đến*)<sup>19</sup> không biết, không thấy? Sắc là pháp vô thường, khổ đau, thay đổi; đó là pháp thuộc về thế gian ở trong thế gian. Thọ, tưởng, hành, thức là pháp vô thường, khổ đau, thay đổi; đó là pháp thuộc về thế gian ở trong thế gian.

Này các Tỳ-kheo! Đó gọi là pháp thuộc về thế gian ở trong thế gian mà Ta đã tự thấy, tự biết... (*cho đến*)<sup>20</sup> những kẻ mù không có mắt nên không biết, không thấy thì Ta biết làm sao được.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*\*

### 39. CÁC LOẠI HẠT GIỐNG<sup>21</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có năm loại hạt giống. Những gì là năm? Hạt giống từ rễ,<sup>22</sup> hạt giống từ thân,<sup>23</sup> hạt giống từ đốt,<sup>24</sup> hạt giống từ chiết cành<sup>25</sup> và hạt giống từ quả.<sup>26</sup>

Năm loại hạt giống này, dù không bị gián đoạn, không bị hư, không bị thối, không bị gió, vừa chín, chắc hạt, có đất, nhưng nếu không có nước thì các loại hạt giống ấy không thể sanh trưởng, lớn mạnh được.

<sup>18</sup> Đây là những tên gọi khác nhau chỉ cho cái bát. Xem thêm *M. 139, Araṇavibhaṅga Sutta (Kinh vô tránh phân biệt)*: Ở đây, này các Tỳ-kheo, trong nhiều quốc độ, người ta biết (những chữ) *pati... patta... viittha... sarava... dharopa... pona... pisila*. Như vậy, như họ biết trong các quốc độ ấy những chữ là như vậy như vậy, có người lại làm như vậy, kiên trì chấp thủ, chấp trước và nói: “Chỉ như vậy là sự thật, ngoài ra là hư vọng.” Như vậy, này các Tỳ-kheo, là chấp trước địa phương ngữ, là đi quá xa ngôn ngữ thường dùng (HT. Thích Minh Châu dịch).

<sup>19</sup> Bản Hán tinh lược nội dung.

<sup>20</sup> Như trên.

<sup>21</sup> Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tap. 雜 (T.02. 0099.39. 0008c26)*. Tham chiếu: S. 22.54 - III. 54.

<sup>22</sup> Nguyên tác: Căn chủng tử (根種子, *mūlabīja*).

<sup>23</sup> Nguyên tác: Kinh chủng tử (莖種子, *khandhabīja*).

<sup>24</sup> Nguyên tác: Tiết chủng tử (節種子, *phalubīja*).

<sup>25</sup> Nguyên tác: Tự lạc chủng tử (自落種子). *P. aggabīja* (chiết cành, cũng gọi là sấp cành).

<sup>26</sup> Nguyên tác: Thật chủng tử (實種子, *bījabījaññeva*).

Nếu hạt giống ấy vừa chín, chắc hạt, không bị gián đoạn, không bị hư, không bị thổi, không bị gió, có nước nhưng không có đất thì hạt giống ấy cũng không thể sanh trưởng, lớn mạnh được.

Nếu hạt giống ấy vừa chín, chắc hạt, không bị gián đoạn, không bị hư, không bị thổi, không bị gió, có đất và nước thì hạt giống ấy sanh trưởng, lớn mạnh.

Này các Tỳ-kheo! Năm loại hạt giống ấy là dụ cho các thủ uẩn cùng có mặt với thức.<sup>27</sup> Đất là dụ cho bốn chỗ thức trụ.<sup>28</sup> Nước là dụ cho hỷ tham. Bốn thủ<sup>29</sup> bám víu nơi thức mà tồn tại. Những gì là bốn? Thức trụ trong sắc, bám víu sắc, hỷ tham được thâm nhuần, làm cho sanh trưởng, lớn mạnh. Cũng vậy, thức trụ trong thọ, tưởng, hành, bám víu thọ, tưởng, hành, hỷ tham được thâm nhuần, làm cho sanh trưởng, lớn mạnh. Này các Tỳ-kheo, thức ở trong đó, hoặc đến, hoặc đi, hoặc trụ lại, hoặc biến mất, hoặc sanh trưởng, lớn mạnh.

Này các Tỳ-kheo! Nếu lìa sắc, thọ, tưởng, hành mà thức có đi, có đến, có trụ lại, có sanh thì đó chỉ là lời nói suông; nếu như chất vấn thì sẽ không biết, chỉ làm tăng thêm sự mê mờ, vì không ở trong cảnh giới đó vậy.

Đối với sắc giới mà lìa tham, khi đã lìa tham rồi thì sự trói buộc được sanh ra do sự quuyến luyến của thức<sup>30</sup> đối với sắc bị đoạn trừ. Khi sự trói buộc được sanh ra do sự quuyến luyến của thức đối với sắc bị đoạn trừ rồi thì duyên bám víu bị cắt đứt. Khi duyên bám víu bị cắt đứt rồi thì thức không còn nơi để trụ nên không thể sanh trưởng, lớn mạnh trở lại.

Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành giới lìa tham thì sự trói buộc<sup>31</sup> được sanh ra do sự quuyến luyến của thức đối với sắc bị đoạn trừ. Khi sự trói buộc được sanh ra do sự quuyến luyến của thức đối với sắc bị đoạn trừ rồi thì duyên bám víu bị cắt đứt. Khi duyên bám víu bị cắt đứt rồi thì thức không còn nơi để trụ nên không thể sanh trưởng, lớn mạnh trở lại.

Do không sanh trưởng nên không tạo tác;<sup>32</sup> do không tạo tác nên được an trú; do được an trú nên biết đủ;<sup>33</sup> do biết đủ nên giải thoát; do giải thoát cho nên đối với các thế gian đều không có gì để nắm giữ, không có gì để vướng mắc; do không nắm giữ, không vướng mắc nên tự mình giác ngộ Niết-bàn: “Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết

<sup>27</sup> Nguyên tác: Thủ âm câu thức (取陰俱識, *viññāṇaṃ sāhāraṃ*).

<sup>28</sup> Tứ thức trụ (四識住, *catasso viññāṇaṭṭhitiyo*). Theo *A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận* 阿毘達磨集異門足論 (T.26. 1536.8. 0400c16), thức trụ nơi sắc, thọ, tưởng và hành, gọi là 4 nơi thức trụ (四識住者, 一, 色識住; 二, 受識住; 三, 想識住; 四, 行識住).

<sup>29</sup> Tứ thủ (四取, *cattāri upādānāni*). P. *cattāri upādāni: kāmūpādānaṃ, diṭṭhūpādānaṃ, sīlabbatūpādānaṃ, attavādūpādānaṃ* (dục thủ, kiến thủ, giới cầm thủ, ngã luận thủ).

<sup>30</sup> Nguyên tác: Ý (意). Trong 4 bộ A-hàm, ba chữ “tâm”, “ý” và “thức” thường sử dụng lẫn lộn. Trường hợp này chính là chữ “thức” (識).

<sup>31</sup> Nguyên tác: Xúc (觸). Bản Hán chép nhầm chữ “phược” (縛).

<sup>32</sup> Nguyên tác: Bất tác hành (不作行, *anabhisankha*).

<sup>33</sup> Nguyên tác: Tri túc (知足, *santusita*).

không còn tái sanh.” Ta nói thức của vị ấy không đi đến Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn phương phụ, phương trên và phương dưới, không có chỗ đến, chỉ thấy pháp, muốn nhập Niết-bàn, tịch diệt, mát mẻ, thanh tịnh, chân thật.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*\*

#### 40. QUYẾN LUYẾN VÀ GIẢI THOÁT<sup>34</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Còn quyến luyến<sup>35</sup> thì không giải thoát. Không quyến luyến thì được giải thoát.

Thế nào là còn quyến luyến thì không giải thoát? Nay các Tỳ-kheo, thức bám víu vào bốn thủ uẩn mà an trụ. Những gì là bốn? Thức quyến luyến đối với sắc rồi an trụ. Cũng vậy, thức quyến luyến đối với thọ, tưởng, hành rồi an trụ... (*cho đến*)<sup>36</sup> vì chẳng phải là cảnh giới.

Thế nào là không quyến luyến thì được giải thoát? Là đối với sắc giới lìa tham; đối với thọ, tưởng, hành mà lìa tham,... (*cho đến*)<sup>37</sup> thanh tịnh, chân thật. Đó gọi là không quyến luyến thì được giải thoát.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*\*

#### 41. LIỄU TRI NĂM THỦ UẨN<sup>38</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có năm thủ uẩn.<sup>39</sup> Đó là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn và thức thủ uẩn.

Đối với năm thủ uẩn này, Ta biết như thật về năm điều: Biết như thật về sắc, biết như thật về sự tập khởi của sắc, biết như thật về vị ngọt của sắc, biết như thật về tai họa của sắc và biết như thật về sự thoát ly sắc.

<sup>34</sup> Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.40. 0009a27). Tham chiếu: S. 22.53 - III. 53.

<sup>35</sup> Nguyên tác: Phong trệ (封滯). P. *upaya* (sự quyến luyến, sự dính mắc).

<sup>36</sup> Bản Hán tinh lược nội dung.

<sup>37</sup> *Như trên*.

<sup>38</sup> Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.41. 0009b07). Tham chiếu: S. 22.56 - III. 58.

<sup>39</sup> Nguyên tác: Ngũ thọ âm (五受陰).

Cũng vậy, Ta biết như thật về thọ, tưởng, hành; biết như thật về thức, biết như thật về sự tập khởi của thức, biết như thật về vị ngọt của thức, biết như thật về tai họa của thức và biết như thật về sự thoát ly thức.

Thế nào là biết như thật về sắc? Những gì thuộc về sắc bao gồm bốn đại<sup>40</sup> và sắc do bốn đại tạo thành, đó gọi là sắc. Như vậy là biết như thật về sắc.

Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của sắc? Đối với sắc mà có sự ưa thích, đó gọi là sự tập khởi của sắc. Như vậy là biết như thật về sự tập khởi của sắc.

Thế nào là biết như thật về vị ngọt của sắc? Nghĩa là, do sắc làm nhân duyên sanh ra hỷ lạc, đó gọi là vị ngọt của sắc. Như vậy là biết như thật về vị ngọt của sắc.

Thế nào là biết như thật về tai họa của sắc? Bởi sắc là vô thường, là khổ, là pháp biến đổi, đó gọi là tai họa của sắc. Như vậy là biết như thật về tai họa của sắc.

Thế nào là biết như thật về sự thoát ly sắc? Nếu đối với sắc mà điều phục tham dục, đoạn trừ tham dục, vượt thoát tham dục, đó gọi là sự thoát ly sắc. Như vậy là biết như thật về sự thoát ly sắc.

Thế nào là biết như thật về thọ? Có sáu loại<sup>41</sup> thọ. Thọ sanh khởi do sự tiếp xúc của mắt. Cũng vậy, do sự tiếp xúc của tai, mũi, lưỡi, thân và ý mà sanh ra thọ, đó gọi là thọ. Như vậy là biết như thật về thọ.

Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của thọ? Sự tập khởi của xúc là tập khởi của thọ. Như vậy là biết như thật về sự tập khởi của thọ.

Thế nào là biết như thật về vị ngọt của thọ? Sáu thọ làm nhân duyên sanh ra hỷ lạc, đó gọi là vị ngọt của thọ. Như vậy là biết như thật về vị ngọt của thọ.

Thế nào là biết như thật về tai họa của thọ? Bởi vì thọ là vô thường, là khổ, là pháp biến đổi, đó gọi là tai họa của thọ. Như vậy là biết như thật về tai họa của thọ.

Thế nào là biết như thật về sự thoát ly thọ? Đối với thọ mà điều phục tham dục, đoạn trừ tham dục, vượt thoát tham dục, đó gọi là sự thoát ly thọ. Như vậy là biết như thật về sự thoát ly thọ.

Thế nào là biết như thật về tưởng?<sup>42</sup> Có sáu loại tưởng.<sup>43</sup> Những gì là sáu? Đó là, tưởng sanh khởi do sự tiếp xúc của mắt. Cũng vậy, do sự tiếp xúc của tai, mũi, lưỡi, thân và ý mà sanh ra tưởng, đó gọi là tưởng. Như vậy là biết như thật về tưởng.

Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của tưởng? Đó là, sự tập khởi của xúc là tập khởi của tưởng. Như vậy là biết như thật về sự tập khởi của tưởng.

<sup>40</sup> Nguyên tác: Tứ đại (四大, *cattāri mahābhūtāni*), gồm có địa (地): chất cứng (堅); thủy (水): chất lỏng (潤); hỏa (火): hơi nóng (熱); phong (風): sự chuyển động (動).

<sup>41</sup> Nguyên tác: Thân (身, *kāya*). Ngoài nghĩa “thân thể” (身體) còn có nghĩa là “chủng loại” (種類).

<sup>42</sup> Nguyên tác: Tưởng (想, *sañhā*).

<sup>43</sup> Nguyên tác: Lục tưởng thân (六想身).

Thế nào là biết như thật về vị ngọt của tướng? Đó là, tướng làm nhân duyên sanh ra hỷ lạc, đó gọi là vị ngọt của tướng. Như vậy là biết như thật về vị ngọt của tướng.

Thế nào là biết như thật về tai họa của tướng? Tướng là vô thường, là khổ, là pháp biến đổi, đó gọi là tai họa của tướng. Như vậy là biết như thật về tai họa của tướng.

Thế nào là biết như thật về sự thoát ly tướng? Đối với tướng mà điều phục tham dục, đoạn trừ tham dục, vượt thoát tham dục, đó gọi là sự thoát ly tướng. Như vậy là biết như thật về sự thoát ly tướng.

Thế nào là biết như thật về hành?<sup>44</sup> Có sáu loại tư.<sup>45</sup> Tư sanh khởi do sự tiếp xúc của mắt. Cũng vậy, do sự tiếp xúc của tai, mũi, lưỡi, thân và ý mà sanh ra tư, đó gọi là hành. Như vậy là biết như thật về hành.

Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của hành? Sự tập khởi của xúc là tập khởi của hành. Như vậy là biết như thật về sự tập khởi của hành.

Thế nào là biết như thật về vị ngọt của hành? Hành làm nhân duyên sanh ra hỷ lạc, đó gọi là vị ngọt của hành. Như vậy là biết như thật về vị ngọt của hành.

Thế nào là biết như thật về tai họa của hành? Hành là vô thường, là khổ, là pháp biến đổi, đó gọi là tai họa của hành. Như vậy là biết như thật về tai họa của hành.

Thế nào là biết như thật về sự thoát ly hành? Đối với hành mà điều phục được tham dục, đoạn trừ tham dục, vượt thoát tham dục, đó gọi là sự thoát ly hành. Như vậy là biết như thật về sự thoát ly hành.

Thế nào là biết như thật về thức?<sup>46</sup> Có sáu loại thức.<sup>47</sup> Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý thức, đó gọi là thức. Như vậy là biết như thật về thức.

Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của thức? Nghĩa là danh sắc tập khởi nên thức tập khởi. Như vậy là biết như thật về sự tập khởi của thức.

Thế nào là biết như thật về vị ngọt của thức? Thức làm nhân duyên sanh ra hỷ lạc, đó gọi là vị ngọt của thức. Như vậy là biết như thật về vị ngọt của thức.

Thế nào là biết như thật về tai họa của thức? Bởi thức là vô thường, là khổ, là pháp biến đổi, đó gọi là tai họa của thức. Như vậy là biết như thật về tai họa của thức.

Thế nào là biết như thật về sự thoát ly thức? Đối với thức mà điều phục được tham dục, đoạn trừ tham dục, vượt thoát tham dục, đó gọi là sự thoát ly thức. Như vậy là biết như thật về sự thoát ly thức.

---

<sup>44</sup> Nguyên tác: Hành (行, *saṅkhāra*).

<sup>45</sup> Nguyên tác: Lục tư thân (六思身). Tư (思, *cetanā*).

<sup>46</sup> Nguyên tác: Thức (識, *viññāna*).

<sup>47</sup> Nguyên tác: Lục thức thân (六識身, *cha viññānakāyā*).

Này các Tỳ-kheo! Nếu Sa-môn hay Bà-la-môn nào đối với sắc mà biết như vậy, thấy như vậy; biết như vậy, thấy như vậy là hướng đến ly dục, đó gọi là sự hướng đến chân chánh. Nếu ai hướng đến chân chánh, Ta nói người đó sẽ được thể nhập.<sup>48</sup> Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào đối với sắc mà biết như thật, thấy như thật thì vị ấy sanh khởi nhằm chán đối với sắc, sẽ lia dục, không khởi các phiền não, tâm được giải thoát. Nếu tâm vị ấy được giải thoát thì được gọi là bậc Thuần nhất.<sup>49</sup> Bậc đã thuần nhất thì vị ấy sẽ thành tựu Phạm hạnh. Bậc đã thành tựu Phạm hạnh thì vị ấy lia dục, được tự tại, đó gọi là vượt thoát khỏi khổ. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*\*

## 42. THUẦN THỰC BẢY YẾU TỐ<sup>50</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Do thuần thực bảy yếu tố<sup>51</sup> và quán sát nghĩa đầy đủ<sup>52</sup> theo ba cách đối với Chánh pháp<sup>53</sup> nên được dứt sạch phiền não, được tâm vô lậu giải thoát, được tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự mình biết rõ, tự thân tác chứng rồi tự an trú: “Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh.”

Thế nào gọi là Tỳ-kheo thuần thực bảy yếu tố?

Tỳ-kheo biết như thật về sắc, biết như thật về sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc, con đường đưa đến sự diệt tận của sắc, vị ngọt của sắc, tai họa của sắc và biết như thật về sự thoát ly sắc.

Cũng vậy, biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức, sự tập khởi của thức, sự diệt tận của thức, con đường đưa đến sự diệt tận của thức, vị ngọt của thức, tai họa của thức và sự thoát ly thức.

<sup>48</sup> Nguyên tác: Bỉ nhập (彼入): Vị ấy thể nhập (Chánh pháp). Theo S. 22.56 - III. 58: Những ai khéo thực hiện, những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này.

<sup>49</sup> Nguyên tác: Thuần nhất (純一, *kevalin*): Bậc Tối thắng, bậc Giác ngộ, bậc A-la-hán.

<sup>50</sup> Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tap. 雜* (T.02. 0099.42. 0010a04). Tham chiếu: *Biệt Tap. 別雜* (T.02. 0101.27. 0005c19); *Thất xứ tam quán kinh* 七處三觀經 (T.02. 0150A.1. 0875b05); (T.02. 0150A.3. 0876a16); S. 22.57 - III. 61.

<sup>51</sup> Nguyên tác: Thất xứ thiện (七處善). Thiện (善, *kusala*) vừa mang nghĩa là điều lành vừa mang nghĩa là thuần thực, thiện xảo. Căn cứ vào ngữ cảnh trong kinh thì thiện (善, *kusala*) được hiểu theo nghĩa thứ hai.

<sup>52</sup> Nguyên tác: Tận (盡), chỉ cho sự đầy đủ, toàn bộ (全部, *kevala*).

<sup>53</sup> Nguyên tác: Ư thử pháp (於此法). Thử pháp (此法): Giáo pháp này, tức chỉ cho Chánh pháp. Theo S. 22.57 - III. 61: *Dhammavinaye kevalī* (toàn vẹn trong Pháp và Luật này), HT. Thích Minh Châu dịch.

Thế nào là biết như thật về sắc? Những gì thuộc về sắc, bao gồm bốn đại và sắc do bốn đại tạo thành, đó gọi là sắc. Như vậy là biết như thật về sắc.

Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của sắc? Ái hỷ<sup>54</sup> là sự tập khởi của sắc. Như vậy là biết như thật về sự tập khởi của sắc.

Thế nào là biết như thật về sự diệt tận của sắc? Ái hỷ diệt thì sắc diệt. Như vậy là biết như thật về sự diệt tận của sắc.

Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của sắc? Đó là Thánh đạo tám chi gồm chánh kiến, chánh tư duy,<sup>55</sup> chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn,<sup>56</sup> chánh niệm và chánh định. Đó là con đường đưa đến sự diệt tận của sắc. Như vậy là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của sắc.

Thế nào là biết như thật về vị ngọt của sắc? Đó là, sắc làm nhân duyên sanh ra hỷ lạc, đó gọi là vị ngọt của sắc. Như vậy là biết như thật về vị ngọt của sắc.

Thế nào là biết như thật về tai họa của sắc? Bởi vì sắc là vô thường, là khổ, là pháp biến đổi, đó gọi là tai họa của sắc. Như vậy là biết như thật về tai họa của sắc.

Thế nào là biết như thật về sự thoát ly sắc? Đối với sắc mà điều phục được tham dục, đoạn trừ tham dục, vượt thoát tham dục, đó gọi là sự thoát ly sắc. Như vậy là biết như thật về sự thoát ly sắc.

Thế nào là biết như thật về thọ? Có sáu loại thọ. Thọ sanh khởi do sự tiếp xúc của mắt. Cũng vậy, do sự tiếp xúc của tai, mũi, lưỡi, thân và ý mà sanh ra thọ, đó gọi là thọ. Như vậy là biết như thật về thọ.

Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của thọ? Sự tập khởi của xúc là tập khởi của thọ. Như vậy là biết như thật về sự tập khởi của thọ.

Thế nào là biết như thật về sự diệt tận của thọ? Sự diệt tận của xúc là diệt tận của thọ. Như vậy là biết như thật về sự diệt tận của thọ.

Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của thọ? Đó là Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của thọ. Như vậy là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của thọ.

Thế nào là biết như thật về vị ngọt của thọ? Thọ làm nhân duyên sanh ra hỷ lạc. Đó là vị ngọt của thọ. Như vậy là biết như thật về vị ngọt của thọ.

Thế nào là biết như thật về tai họa của thọ? Thọ là vô thường, là khổ, là pháp biến đổi, đó gọi là tai họa của thọ. Như vậy là biết như thật về tai họa của thọ.

---

<sup>54</sup> Nguyên tác: Ái hỷ (愛喜, *nandī rāga*).

<sup>55</sup> Nguyên tác: Chánh chí (正志).

<sup>56</sup> Nguyên tác: Chánh phương tiện (正方便).

Thế nào là biết như thật về sự thoát ly thọ? Đối với thọ mà điều phục tham dục, đoạn trừ tham dục, vượt thoát tham dục, đó gọi là sự thoát ly của thọ. Như vậy là biết như thật về sự thoát ly thọ.

Thế nào là biết như thật về tướng? Có sáu tướng. Tướng do sự tiếp xúc của mắt mà sanh khởi. Cũng vậy, do sự tiếp xúc của tai, mũi, lưỡi, thân và ý mà sanh ra tướng, đó gọi là tướng. Như vậy là biết như thật về tướng.

Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của tướng? Sự tập khởi của xúc là tập khởi của tướng. Như vậy là biết như thật về sự tập khởi của tướng.

Thế nào là biết như thật về sự diệt tận của tướng? Sự diệt tận của xúc là diệt tận của tướng, đó là sự diệt tận của tướng. Như vậy là biết như thật về sự diệt tận của tướng.

Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của tướng? Đó là Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của tướng. Như vậy là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của tướng.

Thế nào là biết như thật về vị ngọt của tướng? Tướng làm nhân duyên sanh ra hỷ lạc, đó gọi là vị ngọt của tướng. Như vậy là biết như thật về vị ngọt của tướng.

Thế nào là biết như thật về tai họa của tướng? Bởi vì tướng là vô thường, là khổ, là pháp biến đổi, đó gọi là tai họa của tướng. Như vậy là biết như thật về tai họa của tướng.

Thế nào là biết như thật về sự thoát ly tướng? Đối với tướng mà điều phục tham dục, đoạn trừ tham dục, vượt thoát tham dục, đó gọi là sự thoát ly tướng. Như vậy là biết như thật về sự thoát ly tướng.

Thế nào là biết như thật về hành? Có sáu loại tư.<sup>57</sup> Tư sanh khởi do sự tiếp xúc của mắt. Cũng vậy, do sự tiếp xúc của tai, mũi, lưỡi, thân và ý mà sanh ra tư, đó gọi là hành. Như vậy là biết như thật về hành.

Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của hành? Sự tập khởi của xúc là tập khởi của hành. Như vậy là biết như thật về sự tập khởi của hành.

Thế nào là biết như thật về sự diệt tận của hành? Sự diệt tận của xúc là diệt tận của hành. Như vậy là biết như thật về sự diệt tận của hành.

Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của hành? Đó là Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của hành. Như vậy là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của hành.

Thế nào là biết như thật về vị ngọt của hành? Hành làm nhân duyên sanh ra hỷ lạc, đó gọi là vị ngọt của hành. Như vậy là biết như thật về vị ngọt của hành.

<sup>57</sup> Nguyên tác: Lục tư thân (六思身).

Thế nào là biết như thật về tai họa của hành? Bởi vì hành là vô thường, là khô, là pháp biến đổi, đó gọi là tai họa của hành. Như vậy là biết như thật về tai họa của hành.

Thế nào là biết như thật về sự thoát ly hành? Đối với hành mà điều phục được tham dục, đoạn trừ tham dục, vượt thoát tham dục, đó gọi là sự thoát ly của hành. Như vậy là biết như thật về sự thoát ly hành.

Thế nào là biết như thật về thức? Có sáu loại thức. Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý thức, đó gọi là thức. Như vậy là biết như thật về thức.

Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của thức? Sự tập khởi của danh sắc là tập khởi của thức. Như vậy là biết như thật về sự tập khởi của thức.

Thế nào là biết như thật về sự diệt tận của thức? Sự diệt tận của danh sắc là diệt tận của thức. Như vậy là biết như thật về sự diệt tận thức.

Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của thức? Đó là Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của thức. Như vậy là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của thức.

Thế nào là biết như thật về vị ngọt của thức? Thức làm nhân duyên sanh ra hỷ lạc, đó gọi là vị ngọt của thức. Như vậy là biết như thật về vị ngọt của thức.

Thế nào là biết như thật về tai họa của thức? Bởi vì thức là vô thường, là khô, là pháp biến đổi, đó gọi là tai họa của thức. Như vậy là biết như thật về tai họa của thức.

Thế nào là biết như thật về sự thoát ly thức? Đối với thức mà điều phục được tham dục, đoạn trừ tham dục, vượt thoát tham dục, đó gọi là sự thoát ly thức. Như vậy là biết như thật về sự thoát ly thức.

Này các Tỳ-kheo! Đó gọi là thuần thực bảy yếu tố.

Thế nào là quán sát nghĩa theo ba cách?

Nếu Tỳ-kheo ở nơi thanh vắng, bên gốc cây hay chỗ đất trống rồi quán sát về uẩn, giới và xứ,<sup>58</sup> siêng năng tư duy về nghĩa này, gọi là Tỳ-kheo quán sát nghĩa theo ba cách.

Đó gọi là Tỳ-kheo thuần thực bảy yếu tố và quán sát nghĩa đầy đủ theo ba cách đối với Chánh pháp nên được dứt sạch phiền não, được tâm vô lậu giải thoát, được tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự mình biết rõ, tự thân tác chứng rồi tự an trú: “Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh.”

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*\*

<sup>58</sup> Nguyên tác: Âm, giới, nhập (陰, 界, 入). Tinh lược của ngũ uẩn (五蘊), lục giới (六界), lục nhập xứ (六入處).

### 43. CHẤP THỦ VÀ KHÔNG CHẤP THỦ<sup>59</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Do chấp thủ nên sanh đấm trước, không chấp thủ thì không đấm trước. Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng nói cho các thầy.

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

– Thưa vâng, bạch đức Thế Tôn!

Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Thế nào là do chấp thủ nên sanh đấm trước?

Phàm phu mê muội thiếu hiểu biết nên đối với sắc thì cho là ngã, khác ngã, hoặc tồn tại trong nhau; cho rằng sắc là ngã, ngã sở nên chấp thủ; khi đã chấp thủ rồi, nếu sắc kia biến chuyển hoặc đổi khác thì tâm cũng biến chuyển theo. Khi tâm đã biến chuyển theo thì sanh ra đấm trước, chấp thủ nên tâm bị không chế và bị nắm giữ.<sup>60</sup> Vì tâm bị không chế và bị nắm giữ nên sanh ra sợ hãi, chướng ngại, loạn tâm, do vì chấp thủ nên đấm trước.

Phàm phu mê muội thiếu hiểu biết nên đối với thọ, tưởng, hành, thức thì cho là ngã, khác ngã, hoặc tồn tại trong nhau; cho rằng thức là ngã, ngã sở nên chấp thủ; khi đã chấp thủ rồi, nếu thức kia biến chuyển hoặc đổi khác thì tâm ấy cũng biến chuyển theo. Khi tâm đã biến chuyển theo thì sanh ra đấm trước, chấp thủ nên tâm bị không chế và bị nắm giữ. Vì tâm bị không chế và bị nắm giữ nên sanh ra sợ hãi, chướng ngại, loạn tâm, do vì chấp thủ nên đấm trước. Đó gọi là do chấp thủ nên đấm trước.

Thế nào gọi là không chấp thủ nên không đấm trước?

Vị Thánh đệ tử đa văn đối với sắc thì không cho là ngã, khác ngã, hoặc tồn tại trong nhau; đối với sắc không cho là ngã, ngã sở để mà chấp thủ; khi không còn cho là ngã, ngã sở để chấp thủ vào sắc, dù sắc kia bị biến chuyển hoặc đổi khác thì tâm cũng không biến chuyển theo. Do tâm không biến chuyển theo nên không sanh ra đấm trước, chấp thủ, tâm không bị không chế và không bị nắm giữ. Vì tâm không bị không chế và nắm giữ nên không sanh sợ hãi, chướng ngại, loạn tâm, do vì không chấp thủ nên không đấm trước.

Cũng vậy, đối với thọ, tưởng, hành, thức không chấp là ngã, khác ngã, hoặc tồn tại trong nhau; đối với thức không cho là ngã, ngã sở để mà chấp thủ; khi không cho là ngã, ngã sở để mà chấp thủ, dù thức kia bị chuyển biến hoặc đổi

<sup>59</sup> Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tap. 雜* (T.02. 0099.43. 0010c19). Tham chiếu: *Tap. 雜* (T.02. 0099.66. 0017b16); *M. 138, Uddesavibhaṅga Sutta* (Kinh tông thuyết và biệt thuyết); *S. 22.7 - III. 15.*

<sup>60</sup> Nguyên tác; Nhiếp thọ tâm trụ (攝受心住). Tham chiếu: *M. 138: Cittam pariyādāya tiṭṭhanti* (xâm nhập tâm và tồn tại), HT. Thích Minh Châu dịch.

khác thì tâm cũng không biến chuyển theo. Do tâm không biến chuyển theo nên không sanh ra đắm trước, chấp thủ, tâm không bị khống chế và nắm giữ. Vì tâm không bị khống chế và nắm giữ nên không sanh sợ hãi, chướng ngại, loạn tâm, do vì không chấp thủ nên không đắm trước. Đó gọi là không chấp thủ nên không đắm trước.

Đó gọi là chấp thủ thì đắm trước và không chấp thủ thì không đắm trước.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*\*

#### 44. CHÚNG SANH VÀ TRÓI BUỘC<sup>61</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nếu có sanh thì có trói buộc, không sanh thì không bị trói buộc. Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng nói cho các thầy.

Thế nào gọi là có sanh thì có trói buộc?

Phàm phu mê muội thiếu hiểu biết nên không biết như thật về sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc, vị ngọt của sắc, tai họa của sắc, sự thoát ly sắc nên đối với sắc lại ưa thích, khen ngợi, nắm giữ; cho rằng sắc là ngã, khác ngã rồi chấp thủ. Do chấp thủ nên khi sắc kia bị biến chuyển hoặc đổi khác thì tâm cũng bị biến chuyển và đổi khác theo. Do tâm bị biến chuyển và đổi khác nên tâm bị khống chế và bị nắm giữ. Do tâm bị khống chế và bị nắm giữ nên sanh ra sợ hãi, chướng ngại, luyến nhớ, là do có sanh nên có trói buộc. Đối với thọ, tưởng, hành và thức cũng lại như vậy. Đó gọi là do có sanh nên có trói buộc.

Thế nào là không sanh thì không bị trói buộc?

Vị Thánh đệ tử đa văn biết như thật về sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc, vị ngọt của sắc, tai họa của sắc và sự thoát ly sắc; do biết như thật nên vị ấy không ưa thích, không khen ngợi, không chấp thủ, không trói buộc vào ngã, ngã sở để mà chấp thủ. Do không chấp thủ nên khi sắc kia bị biến chuyển hoặc đổi khác thì tâm cũng không bị biến chuyển hay đổi khác theo. Do tâm không biến chuyển hay đổi khác nên tâm không bị trói buộc, đắm trước, không bị khống chế và nắm giữ. Vì tâm không bị khống chế và nắm giữ nên tâm không sợ hãi, chướng ngại, luyến nhớ, vì không sanh nên không bị trói buộc. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đó gọi là không sanh thì không bị trói buộc.

---

<sup>61</sup> Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.44. 0011a13). Tham chiếu: S. 22.8 - III. 18.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*\*

#### 45. GIÁC NGỘ NĂM THỦ UẨN<sup>62</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có năm thủ uẩn.<sup>63</sup> Là năm thứ nào? Đó là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn và thức thủ uẩn.

Nếu Sa-môn hay Bà-la-môn nào thấy có ngã thì tất cả đều từ nơi năm thủ uẩn này mà thấy có ngã. Các Sa-môn hay Bà-la-môn thấy sắc là ngã, sắc là khác ngã, hoặc sắc ở trong ngã, ngã ở trong sắc. Cũng vậy, thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, là khác ngã, hoặc thức ở trong ngã, ngã ở trong thức.

Phàm phu mê muội thiếu hiểu biết, do vì vô minh nên thấy sắc là ngã, là khác ngã, hoặc tồn tại trong nhau, hoặc cho rằng: “Ngã là chân thật” nên không xả bỏ. Do không xả bỏ nên các căn sanh khởi.<sup>64</sup> Các căn đã sanh khởi thì các xúc cũng sanh khởi. Do sự xúc chạm của sáu xúc nhập xứ<sup>65</sup> nên phàm phu mê muội thiếu hiểu biết khởi lên cảm giác khổ hay lạc, đều từ xúc nhập xứ mà sanh khởi. Những gì là sáu? Đó là, nhãn xúc nhập xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý xúc nhập xứ.

Như vậy, này các Tỳ-kheo! Có ý giới, pháp giới<sup>66</sup> và vô minh giới.<sup>67</sup> Phàm phu mê muội thiếu hiểu biết, do sự tiếp xúc với vô minh<sup>68</sup> nên khởi tưởng có,<sup>69</sup> tưởng không, tưởng vừa có vừa không, tưởng ta hơn, tưởng ta bằng, tưởng ta kém, tưởng ta biết, tưởng ta thấy, tưởng biết như vậy, tưởng thấy như vậy, đều do sáu xúc nhập xứ mà sanh khởi.

Đối với sáu xúc nhập xứ này, vị Thánh đệ tử đa văn xa lìa vô minh mà sanh khởi minh, không sanh khởi tưởng có, tưởng không, tưởng vừa có vừa không,

<sup>62</sup> Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tap. 雜 (T.02. 0099.45. 0011b01)*. Tham chiếu: *Tap. 雜 (T.02. 0099.63. 0016b13)*; *S. 22.47 - III. 46*.

<sup>63</sup> Nguyên tác: Ngũ thọ âm (五受陰).

<sup>64</sup> Nguyên tác: Chư căn tăng trưởng (諸根增長), chỉ cho sự sinh thành ngũ căn.

<sup>65</sup> Nguyên tác: Lục xúc nhập xứ (六觸入處), còn gọi là “lục xúc xứ” (六觸處).

<sup>66</sup> Nguyên tác: Ý giới (意界), pháp giới (法界), hai giới trong 18 giới. Tham chiếu: *Đa giới kinh 多界經 (T.01. 0026.181. 0723b19)*.

<sup>67</sup> Nguyên tác: Vô minh giới (無明界), một trong 6 giới, đó là lạc giới, khổ giới, hỷ giới, ưu giới, xả giới và vô minh giới.

<sup>68</sup> Nguyên tác: Vô minh xúc (無明觸, *avijjāsamphassa*). Theo *Câu-xả luận sơ 俱舍論疏 (T.41. 1822.10. 0607b24)*: Nhất thiết nhiễm xúc danh vô minh xúc (一切染觸名無明觸).

<sup>69</sup> Nguyên tác: Khởi hữu giác (起有覺).

tưởng ta hơn, tưởng ta bằng, tưởng ta kém, tưởng ta biết, tưởng ta thấy. Biết như thật, thấy như thật rồi thì sự tiếp xúc với vô minh đã khởi lên từ trước bị tiêu diệt; về sau, tưởng tiếp xúc với minh<sup>70</sup> sẽ sanh khởi.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*\*

## 46. CHƯỞNG NGẠI LÀ THỦ UẨN<sup>71</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có năm thủ uẩn.<sup>72</sup> Là năm thứ nào? Đó là, sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn và thức thủ uẩn.

Nếu Sa-môn hay Bà-la-môn nào nhờ Túc mạng trí mà đã biết, sẽ biết hoặc đang biết rõ về đời sống của các kiếp trước thì những điều đã biết, sẽ biết và đang biết ấy thấy đều xuất phát từ năm thủ uẩn: “Ta đã trải qua đời quá khứ với sắc như vậy, thọ như vậy, tưởng như vậy, hành như vậy và thức như vậy.”

Những gì bị chướng ngại,<sup>73</sup> bị phân tán thì gọi là sắc thủ uẩn. Những thứ gây trở ngại như do tay, hoặc đá, hoặc gậy, hoặc dao; hoặc lạnh, hoặc nóng; hoặc khát, hoặc đói; hoặc sự xúc chạm của muỗi mòng, các loại trùng độc, mưa, gió... đó gọi là bị chướng ngại do xúc. Cho nên, chướng ngại là sắc thủ uẩn. Lại nữa, sắc thủ uẩn này là vô thường, là khổ, là pháp biến đổi.

Các cảm thọ<sup>74</sup> chính là thọ thủ uẩn. Cảm thọ những gì? Là cảm thọ khổ, cảm thọ lạc, cảm thọ không khổ không lạc, cho nên nói rằng cảm thọ chính là thọ thủ uẩn. Lại nữa, thọ thủ uẩn này là vô thường, là khổ, là pháp biến đổi.

Các tưởng<sup>75</sup> là tưởng thủ uẩn. Tưởng những gì? Là tưởng ít, tưởng nhiều, tưởng vô lượng, hoàn toàn không có gì thì khởi tưởng không có gì; cho nên gọi là tưởng thủ uẩn. Lại nữa, tưởng thủ uẩn này là vô thường, là khổ, là pháp biến đổi.

Hành vi tạo tác<sup>76</sup> là hành thủ uẩn. Tạo tác những gì? Là tạo tác sắc, tạo tác thọ, tạo tác tưởng, tạo tác hành và tạo tác thức; nên nói rằng hành vi tạo tác là hành thủ uẩn. Lại nữa, hành thủ uẩn này là vô thường, là khổ, là pháp biến đổi.

<sup>70</sup> Nguyên tác: Minh xúc (明觸), đối lập của vô minh xúc (無明觸).

<sup>71</sup> Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.46. 0011b21). Tham chiếu: S. 22.79 - III. 86.

<sup>72</sup> Nguyên tác: Ngũ thọ âm (五受陰).

<sup>73</sup> Nguyên tác: Ngại (閼, *ruppatti*), có nghĩa là sự thay đổi, nhưng theo *Chú giải* thì mang nghĩa là bị phá hoại (*bhijjati*).

<sup>74</sup> Nguyên tác: Giác tướng (覺相, *vedayati*): Cảm thọ (感受) hay cảm giác (感覺).

<sup>75</sup> Nguyên tác: Tưởng (想, *sañjānāti*).

<sup>76</sup> Nguyên tác: Vi tác tướng (為作相, *saṅkhatamabhisāṅkharonti*).

Xem xét, biết rõ<sup>77</sup> là thức thủ uẩn. Biết rõ những gì? Là biết sắc, biết thanh, hương, vị, xúc và biết pháp; nên nói rằng xem xét, biết rõ là thức thủ uẩn. Lại nữa, thức thủ uẩn này là vô thường, là khổ, là pháp biến đổi.

Này các Tỳ-kheo! Đối với sắc thủ uẩn này, vị Thánh đệ tử đa văn hãy học như vậy: “Ta hiện tại đang bị sắc nhai nuốt;<sup>78</sup> trong đời quá khứ đã từng bị sắc kia nhai nuốt, giống như hiện tại.”

Vị ấy lại suy nghĩ như vậy: “Ta hiện tại đang bị sắc nhai nuốt. Nếu ta còn tham đắm sắc tương lai thì cũng sẽ bị sắc kia nhai nuốt, giống như hiện tại.”

Biết như vậy rồi, vị ấy không luyến tiếc sắc quá khứ, không tham đắm sắc tương lai; đối với sắc hiện tại thì sanh nhàm chán, lìa dục, trừ tai họa, hướng đến diệt tận.

Vị Thánh đệ tử đa văn đối với thọ thủ uẩn, tưởng, hành và thức thủ uẩn cũng nên học như vậy: “Ta hiện tại đang bị thức nhai nuốt, trong đời quá khứ đã từng bị thức ấy nhai nuốt, giống như hiện tại. Ta hiện tại đã bị thức nhai nuốt, nếu còn tham đắm thức tương lai thì cũng sẽ bị thức ấy nhai nuốt giống như hiện tại.”

Biết như vậy rồi, vị ấy không tiếc nuôi thức quá khứ, không mong cầu thức tương lai; đối với thức hiện tại thì nhàm chán, lìa dục, diệt tai họa, hướng đến tịch diệt. Diệt mà không tăng, lùi mà không tiến, diệt mà không khởi, xả chứ không nắm giữ.

Đối với những gì diệt mà không tăng? Đối với sắc, diệt mà không tăng. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành và thức diệt mà không tăng.

Đối với những gì lùi mà không tiến? Đối với sắc, lùi mà không tiến. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành và thức lùi mà không tiến.

Đối với những gì diệt mà không khởi? Đối với sắc, diệt mà không khởi. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành và thức diệt mà không khởi.

Đối với những gì xả mà không nắm giữ? Đối với sắc, xả mà không nắm giữ. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành và thức xả mà không nắm giữ.

Diệt mà không tăng, tịch diệt mà an trụ; lùi mà không tiến, tịch lặng mà an trụ; diệt mà không khởi, tịch diệt mà an trụ; xả chứ không chấp, không sanh ra trói buộc. Do không bị trói buộc nên chứng đắc Niết-bàn: “Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh.”

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

\*

<sup>77</sup> Nguyên tác: Biệt tri tướng (別知相, *vijānāti*). Tướng (相) dùng như xem xét (觀察).

<sup>78</sup> Nguyên tác: Sắc sở thực (色所食, *rūpena khajjāmi*).

Kệ tóm tắt:

Ngã, Ty hạ, Chủng tử,  
Nhị phược trước cập Giác,

Phong trệ, Ngũ chuyên, Thất,  
Tam thế âm thế thực.<sup>79</sup>

\*\*\*

#### 47. TÍN TÂM<sup>80</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Người thiện nam có lòng tin phải nên suy nghĩ như vậy: “Ta nên tuân tự thực hành theo pháp.<sup>81</sup> Đối với sắc, ta hãy sống với sự nhàm chán mãnh liệt;<sup>82</sup> đối với thọ, tưởng, hành và thức cũng sống với sự nhàm chán mãnh liệt.” Người thiện nam có lòng tin liền sống với sự nhàm chán mãnh liệt đối với sắc; đối với thọ, tưởng, hành và thức cũng sống với sự nhàm chán mãnh liệt. Đã nhàm chán đối với sắc, cũng đã nhàm chán đối với thọ, tưởng, hành, thức; do nhàm chán nên vị ấy lia dục, được giải thoát và thấy, biết rõ đã giải thoát: “Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh.”

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*\*

#### 48. CHÂN CHÁNH XUẤT GIA<sup>83</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Người thiện nam có lòng tin chân chánh xuất gia, sống không gia đình, nghĩ rằng: “Ta nên tuân tự thực hành theo pháp,<sup>84</sup> đối với sắc, hãy sống với sự nhàm chán mãnh liệt; đối với thọ, tưởng, hành và thức cũng sống với sự nhàm

<sup>79</sup> Nguyên tác Nhiếp tụng: 我, 卑下, 種子; 封滯, 五轉, 七; 二繫著及覺; 三世陰世食. Do đặt lại tựa đề nên Nhiếp tụng không trùng với tên kinh.

<sup>80</sup> Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.47. 0012a09). Tham chiếu: S. 22.146 - III. 179.

<sup>81</sup> Nguyên tác: Tùy thuận pháp (隨順法, *dhammānudhammappaṭipanna*). Xem chú thích 68, kinh số 27, quyển 1, tr. 24; *Tạp. 雜* (T.02. 0099.27. 0005c20).

<sup>82</sup> Nguyên tác: Đa tu (多修), đồng nghĩa với nhiệt tâm (熱心, *bahulo*). Theo S. 22.146 - III. 179: Ai sống nhàm chán nhiều đối với sắc (HT. Thích Minh Châu dịch).

<sup>83</sup> Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.48. 0012a18). Tham chiếu: S. 22.147 - III. 179.

<sup>84</sup> Nguyên tác: Tùy thuận pháp (隨順法, *dhammānudhammappaṭipanna*). Xem chú thích 68, kinh số 27, quyển 1, tr. 24; *Tạp. 雜* (T.02. 0099.27. 0005c20).

chán mãnh liệt.” Người thiện nam có lòng tin chân chánh xuất gia, sống không gia đình; đối với sắc, vị ấy sống với sự nhàm chán mãnh liệt; đối với thọ, tưởng, hành và thức, cũng sống với sự nhàm chán mãnh liệt nên được thoát ly đối với sắc; đối với thọ, tưởng, hành, thức, cũng được thoát ly. Ta nói rằng, những vị ấy chắc chắn thoát ly hết thủy sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*\*

#### 49. PHÁP SANH DIỆT<sup>85</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn hỏi Tôn giả A-nan:

– Nếu trưởng giả hay con của trưởng giả nào có lòng tin đến hỏi thầy rằng: “Ở trong những pháp nào có thể biết được sự sanh diệt của chúng?” Thầy sẽ trả lời như thế nào?

Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Bạch đức Thế Tôn! Nếu có trưởng giả hay con của trưởng giả có lòng tin đến hỏi, con sẽ đáp như vậy: “Biết sắc là pháp sanh diệt. Biết thọ, tưởng, hành, thức là pháp sanh diệt.”

Bạch Thế Tôn! Nếu có trưởng giả hay con của trưởng giả đến hỏi những điều như thế thì con sẽ trả lời như vậy.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Lành thay! Lành thay! Cần phải trả lời như vậy. Vì sao như vậy? Vì sắc là pháp sanh diệt. Thọ, tưởng, hành, thức là pháp sanh diệt.

Biết sắc là pháp sanh diệt, đó gọi là biết sắc. Biết thọ, tưởng, hành, thức là pháp sanh diệt, đó gọi là biết thức.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*\*

#### 50. PHẬT HỎI A-NAN<sup>86</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

<sup>85</sup> Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.49. 0012a27). Tham chiếu: S. 22.37 - III. 37; S. 22.38 - III. 38.

<sup>86</sup> Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.50. 0012b10). Tham chiếu: S. 22.37 - III. 37; S. 22.38 - III. 38.

Bấy giờ, Thế Tôn hỏi Tôn giả A-nan:

– Nếu những người xuất gia ngoại đạo đến hỏi thầy rằng: “Này A-nan! Vì sao Thế Tôn dạy người tu các Phạm hạnh?” Khi được hỏi như vậy thì thầy sẽ trả lời như thế nào?

Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nếu những người xuất gia ngoại đạo đến hỏi con: “Này A-nan! Vì sao Thế Tôn dạy người tu các Phạm hạnh?” thì con sẽ trả lời: “Vì để nhàm chán, lìa dục, diệt tận, giải thoát, không sanh đối với sắc cho nên Thế Tôn dạy người tu các Phạm hạnh. Cũng vậy, vì để nhàm chán, lìa dục, diệt tận, giải thoát, không sanh đối với thọ, tưởng, hành, thức cho nên Thế Tôn dạy người tu hành Phạm hạnh.” Bạch Thế Tôn! Nếu có người xuất gia ngoại đạo nào đến hỏi thì con sẽ trả lời như vậy.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Lành thay! Lành thay! Nên trả lời như vậy. Vì sao như vậy? Vì thực tế, để nhàm chán, lìa dục, giải thoát, không sanh đối với sắc, cho nên Ta dạy người tu các Phạm hạnh. Cũng vậy, vì để nhàm chán, lìa dục, giải thoát, không sanh đối với thọ, tưởng, hành, thức cho nên Ta dạy người tu các Phạm hạnh.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*\*

## 51. PHÁP HOẠI<sup>87</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nay Ta sẽ giảng nói về pháp hoại và pháp bất hoại cho các thầy. Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng nói cho các thầy.

Này các Tỳ-kheo! Sắc là pháp hoại.<sup>88</sup> Sự diệt tận của sắc ấy là Niết-bàn, là pháp bất hoại. Thọ, tưởng, hành, thức là pháp hoại. Sự diệt tận của thức ấy là Niết-bàn, là pháp bất hoại.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*\*

---

<sup>87</sup> Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.51. 0012b25). Tham chiếu: S. 22.32 - III. 32.

<sup>88</sup> Nguyên tác: Hoại pháp (壞法, *pabhaṅgu*).

**52. UÁT-ĐỂ-CA<sup>89</sup>**

*Kinh Uát-để-ca, như đã nói trong Tăng nhất A-hàm, phẩm Bốn pháp.<sup>90</sup>*

\*\*\*

**53. BÀ-LA-MÔN THƯA HỎI PHẬT<sup>91</sup>**

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật du hóa trong nhân gian rồi đến ngụ trong rừng Thân-thứ,<sup>92</sup> phía Bắc làng Tát-la, thuộc nước Câu-tát-la.<sup>93</sup>

Bấy giờ, chủ của ngôi làng là Bà-la-môn Đại Tánh nghe tin Sa-môn họ Thích, từ dòng họ lớn Thích-ca đã cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, với niềm tin tha thiết, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, thành bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, hiện đang du hóa trong nhân gian, đến ngụ trong rừng Thân-thứ, phía Bắc làng Tát-la, thuộc nước Câu-tát-la. Sa-môn Cù-đàm có dung sắc, danh tiếng và công đức chân thật, được trời và người khen ngợi, vang khắp tám phương. Ngài là bậc Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Giữa các cõi chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn và Bà-la-môn, với trí tuệ rộng lớn, Ngài tự mình biết rõ rằng: “Sự sanh của Ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh.” Ngài diễn nói giáo pháp vi diệu cho thế gian, phân đầu, phân giữa và phân cuối đều thiện, nghĩa lý sâu xa,<sup>94</sup> ngôn từ chuẩn xác,<sup>95</sup> thuần nhất thanh tịnh, Phạm hạnh trong sạch. Lành thay! Nên gặp. Lành thay! Nên đến. Lành thay! Nên cung kính.

Suy nghĩ như vậy rồi, Bà-la-môn liền sửa soạn xe cộ, dẫn theo nhiều tùy tùng, bung bình bằng vàng, cầm lọng cán vàng cùng đi đến chỗ Phật, cung kính cúng dường.

Đến cửa rừng, Bà-la-môn xuống xe và đi đến chỗ Thế Tôn thăm hỏi, vấn an rồi ngồi sang một bên và bạch:

– Thưa Sa-môn Cù-đàm! Ngài bàn luận về điều gì? Giảng nói những gì?

Phật bảo Bà-la-môn:

– Ta bàn luận về nhân [duyên], giảng nói về nhân [duyên].

Bà-la-môn lại bạch Phật:

<sup>89</sup> Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜 (T.02. 0099.52. 0012c02).*

<sup>90</sup> Theo *Phiên Phạn ngữ 翻梵語 (T.54. 2130.1. 0981a22)* đó là *Tăng. 增 (T.02. 0125.26.8. 0639a04).*

<sup>91</sup> Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜 (T.02. 0099.53. 0012c04).*

<sup>92</sup> Nguyên tác: Thân-thứ (申恕, *Siṃsapāvana*).

<sup>93</sup> Nguyên tác: Câu-tát-la (拘薩羅, *Kosala*).

<sup>94</sup> Nguyên tác: Thiện nghĩa (善義). *Du-già sư địa luận 瑜伽師地論 (T.30. 1579.57. 0616b23)* ghi là “nghĩa thanh tịnh” (義清淨); *Hoa vũ tập 華雨集 (Y.25. 0025.1. 0183a12)* ghi là “nghĩa thâm áo” (義深奧).

<sup>95</sup> Nguyên tác: Thiện vị (善味). Vị (味, *vyañjana*) vừa có nghĩa là vị của món ăn vừa có nghĩa là mẫu tự.

– Ngài bàn luận về nhân [duyên] như thế nào? Giảng nói về nhân [duyên] như thế nào?

Phật bảo Bà-la-môn:

– Có nhân, có duyên nên thế gian tập khởi. Có nhân, có duyên nên có sự tập khởi của thế gian. Có nhân, có duyên nên thế gian diệt tận. Có nhân, có duyên nên có sự diệt tận của thế gian.

Bà-la-môn bạch Phật:

– Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là có nhân, có duyên nên thế gian tập khởi? Thế nào là có nhân, có duyên nên có sự tập khởi của thế gian?

Phật bảo Bà-la-môn:

– Phạm phu mê muội thiếu hiểu biết không biết như thật về sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc, vị ngọt của sắc, tai họa của sắc và sự thoát ly sắc. Do không biết như thật nên đối với sắc ưa thích, khen ngợi, sống với tâm đắm nhiễm. Do ưa thích đối với sắc nên có thủ, do duyên thủ nên có hữu, do duyên hữu nên có sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não, như thế toàn bộ khối khổ lớn tập khởi. Thọ, tưởng, hành và thức cũng lại như vậy. Nay Bà-la-môn! Đó gọi là có nhân, có duyên nên thế gian tập khởi; có nhân, có duyên nên có sự tập khởi của thế gian.

Bà-la-môn bạch Phật:

– Thế nào gọi là có nhân, có duyên nên thế gian diệt tận? Thế nào gọi là có nhân, có duyên nên có sự diệt tận của thế gian?

Phật bảo Bà-la-môn:

– Vị Thánh đệ tử đa văn biết như thật về sự tập khởi của sắc, sự diệt tận của sắc, vị ngọt của sắc, tai họa của sắc và sự thoát ly sắc. Do biết như thật nên vị ấy đối với sắc không ưa thích, không khen ngợi, không đắm nhiễm, không bám víu; do không ưa thích, không bám víu nên sự tham ái đối với sắc cũng diệt. Ái diệt thì thủ diệt. Thủ diệt thì hữu diệt. Hữu diệt thì sanh diệt. Sanh diệt thì già, chết, ưu, bi, khổ, não diệt. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Nay Bà-la-môn! Đó gọi là có nhân, có duyên nên thế gian diệt tận; có nhân, có duyên nên có sự diệt tận của thế gian.

Nay Bà-la-môn! Đó gọi là bàn luận về nhân [duyên], đó gọi là giảng nói về nhân [duyên].

Bà-la-môn bạch Phật:

– Thưa Cù-đàm! Như vậy là bàn luận về nhân [duyên], như vậy là giảng nói về nhân [duyên]. Vì bận nhiều việc ở thế gian, bây giờ con xin cáo từ.

Phật bảo Bà-la-môn:

– Nên biết đúng thời!

Đức Phật nói kinh này xong, các Bà-la-môn nghe lời Phật dạy đã hoan hỷ và tùy hỷ, đánh lễ sát chân Phật rồi ra về.

## 54. PHÁP THÙ THẮNG<sup>96</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Lộc dã, trú xứ của Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại.

Lúc ấy, ở làng Tỳ-ca-đa-lỗ-ca có Bà-la-môn đi đến chỗ Phật, cung kính chào hỏi Ngài rồi ngồi sang một bên và bạch Phật:

– Thưa Cù-đàm! Tôi có một đệ tử trẻ tuổi, biết về thiên văn, biết về dòng tộc, xem tướng lành dữ cho mọi người, nói có ắt là có, nói không ắt là không, nói thành ắt là thành, nói hoại ắt là hoại. Thưa Cù-đàm! Ý Ngài nghĩ thế nào?

Phật bảo Bà-la-môn:

– Hãy bỏ qua việc đệ tử trẻ tuổi của ông biết về thiên văn, biết về dòng tộc. Nay Ta hỏi ông, cứ tùy theo ý ông mà trả lời. Nay Bà-la-môn! Ý ông nghĩ sao? Sắc vốn không có chủng loại chăng?

Bà-la-môn đáp:

– Đúng vậy, thưa Thế Tôn!

– Thọ, tướng, hành, thức vốn không có chủng loại chăng?

Bà-la-môn đáp:

– Đúng vậy, thưa Thế Tôn!

Phật bảo Bà-la-môn:

– Ông nói rằng, đệ tử trẻ của ông biết rõ về thiên văn, về dòng tộc, vì mọi người mà nói như vậy: “Nói có ắt là có, nói không ắt là không”, vậy sự thấy biết này chẳng phải là hư dối sao?

Bà-la-môn bạch Phật:

– Đúng vậy, bạch đức Thế Tôn!

Phật bảo Bà-la-môn:

– Ý ông nghĩ sao? Có sắc nào mà tồn tại mãi suốt trăm năm? Hay là do cái khác mà sanh, do cái khác mà diệt? Có thọ, tướng, hành, thức nào mà tồn tại mãi suốt trăm năm? Hay là do cái khác mà sanh, do cái khác mà diệt?

Đáp:

– Đúng vậy, bạch Thế Tôn!

Phật bảo Bà-la-môn:

– Ý ông nghĩ sao? Đệ tử trẻ tuổi của ông biết về thiên văn, biết về dòng tộc, và nói với mọi người rằng thành ắt không hoại, sự thấy biết ấy chẳng phải là không đổi khác chăng?

<sup>96</sup> Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.54. 0013a17).

Đáp:

– Đúng vậy, bạch Thế Tôn!

Phật bảo Bà-la-môn:

– Ý ông nghĩ sao? Pháp này, pháp kia, thuyết này, thuyết kia, vậy trường hợp nào hơn?

Bà-la-môn bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Như những điều mà Phật đã nói, đã hiển bày, đã khai mở, đó là lời nói đúng như pháp. Ví như có người chìm xuống nước được vớt lên, người bị tù tội được cứu ra, người lạc đường được chỉ lối, nơi tối tăm có được ánh sáng. Bạch Thế Tôn! Hôm nay, Thế Tôn khéo nói pháp thù thắng cũng lại như vậy, đã hiển bày, khai mở.

Đức Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn ở làng<sup>97</sup> Tỳ-ca-đa-lỗ-ca nghe Phật dạy xong đã hoan hỷ và tùy hỷ rồi từ chỗ ngồi đứng dậy lễ chân Phật mà ra về.

\*\*\*

## 55. UẨN VÀ THỦ UẨN<sup>98</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Lộc Dã, trú xứ của Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Ta sẽ giảng nói về uẩn<sup>99</sup> và thủ uẩn.<sup>100</sup>

Thế nào là uẩn? Những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc tương lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần, tất cả chúng được gọi chung là sắc uẩn. Những gì thuộc về thọ, tưởng, hành và thức cũng lại như vậy, tất cả chúng được gọi chung là thọ, tưởng, hành và thức uẩn. Đó gọi là uẩn.

Thế nào là thủ uẩn? Nếu sắc bị nhiễm ô,<sup>101</sup> bị chấp thủ thì nơi sắc ấy, hoặc quá khứ, hoặc tương lai, hoặc hiện tại, liền sanh khởi tham dục, sân hận, ngu si và các thứ tâm sở tùy phiền não<sup>102</sup> khác. Thọ, tưởng, hành và thức cũng lại như vậy. Đó gọi là thủ uẩn.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*\*

<sup>97</sup> Nguyên tác: Tỳ-ca-đa-lỗ-ca (毘迦多魯迦), thiếu chữ tụ lạc (聚落). Bản dịch bổ sung dựa theo phần đầu kinh.

<sup>98</sup> Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.55. 0013b13). Tham chiếu: S. 22.48 - III. 47.

<sup>99</sup> Nguyên tác: Âm (陰).

<sup>100</sup> Nguyên tác: Thọ âm (受陰).

<sup>101</sup> Nguyên tác: Hữu lậu (有漏, *sāsava*).

<sup>102</sup> Nguyên tác: Thượng phiền não (上煩惱).

## 56. HỮU LẬU VÀ VÔ LẬU<sup>103</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Lộc dã, trú xứ của Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nay Ta sẽ giảng nói về pháp hữu lậu và pháp vô lậu.

Nếu sắc bị nhiễm ô, bị chấp thủ thì nơi sắc ấy sanh ra ái và sân. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức bị nhiễm ô, bị chấp thủ thì nơi thức ấy sanh ra ái và sân. Đó gọi là pháp hữu lậu.

Thế nào là pháp vô lậu?

Những gì thuộc về sắc không bị nhiễm ô, không bị chấp thủ thì nơi sắc ấy, hoặc quá khứ, hoặc tương lai, hoặc hiện tại không sanh ra ái và sân. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức không bị nhiễm ô, không bị chấp thủ thì nơi thức ấy, hoặc quá khứ, hoặc tương lai, hoặc hiện tại không sanh ra ái và sân. Đó gọi là pháp vô lậu.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

\*

Kệ tóm tắt:

Nhị tín, nhị A-nan,  
Bà-la cập Thế gian,

Hoại pháp, Uất-đề-ca,  
Trừ lậu, Vô lậu pháp.<sup>104</sup>

\*\*\*

## 57. DIỆT TRỪ LẬU HOẶC<sup>105</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn đắp y, ôm bát đi vào thành Xá-vệ khát thực. Khi trở về, Ngài lại đắp y, ôm bát và không nói với chúng Tăng, cũng không gọi thị giả, chỉ một mình, không có người đi theo, Ngài đi về cõi nước phương Tây, du hóa trong nhân gian.

Lúc ấy, có một Tỳ-kheo ở trong rừng An-đà,<sup>106</sup> từ xa trông thấy Thế Tôn không nói với chúng Tăng, cũng không gọi thị giả, chỉ một mình, không có người đi theo. Thấy vậy, vị ấy liền đi đến chỗ Tôn giả A-nan và thưa Tôn giả:

<sup>103</sup> Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.56. 0013b24).

<sup>104</sup> Nguyên tác Nhiếp tụng: 二信, 二阿難; 壞法, 鬱低迦; 婆羅及世間; 除漏, 無漏法. Do đặt lại tựa đề nên Nhiếp tụng không trùng với tên kinh.

<sup>105</sup> Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.57. 0013c07). Tham chiếu: S. 22.81 - III. 94.

<sup>106</sup> Nguyên tác: An-đà lâm (安陀林, Andhavana).

– Tôn giả nên biết! Thế Tôn không nói với chúng Tăng, cũng không gọi thị giả. Ngài đi du hóa một mình, không có người đi theo.

Tôn giả A-nan nói với Tỳ-kheo ấy:

– Nếu Thế Tôn không nói với chúng Tăng, cũng không gọi thị giả mà đi du hóa một mình thì không nên đi theo Ngài. Vì sao như vậy? Vì hôm nay, Thế Tôn muốn an trụ trong sự vắng lặng, ít bận rộn.

Bấy giờ, Thế Tôn du hóa về phương Bắc, ngụ bên gốc cây Bạt-đà-tát-la<sup>107</sup> trong khu rừng có người trông coi tại thôn Ba-đà, thuộc nước Bán-xà.<sup>108</sup>

Lúc ấy, có số đông Tỳ-kheo đi đến chỗ Tôn giả A-nan rồi hỏi Tôn giả:

– Tôn giả có hay tin đức Thế Tôn hiện giờ đang ở đâu không?

Tôn giả A-nan trả lời:

– Tôi nghe Thế Tôn đi về phương Bắc, ngụ bên gốc cây Bạt-đà-tát-la, trong khu rừng có người trông coi tại thôn Ba-đà, thuộc nước Bán-xà.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nói với Tôn giả A-nan:

– Tôn giả nên biết! Chúng tôi không được diện kiến đức Thế Tôn đã lâu. Nếu không ngại mệt nhọc, xin Tôn giả cùng đi với chúng tôi đến chỗ Thế Tôn, xin thương xót cho!

Biết đúng thời, Tôn giả A-nan im lặng nhận lời.

Thế rồi, qua đêm hôm đó, vào lúc sáng sớm, Tôn giả A-nan cùng số đông Tỳ-kheo đáp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực.

Khát thực xong trở về tinh xá, hết thầy Tỳ-kheo thu dọn giường chõng rồi mang y bát đi du hóa trong nhân gian theo hướng Tây rồi quay về phương Bắc, đến khu rừng có người trông coi tại thôn Ba-đà,<sup>109</sup> thuộc nước Bán-xà.

Bấy giờ, sau khi sắp xếp y bát và rửa chân xong, Tôn giả A-nan cùng số đông Tỳ-kheo đi đến chỗ đức Thế Tôn, đánh lễ sát chân Phật rồi ngồi sang một bên.

Lúc ấy, đức Thế Tôn vì số đông Tỳ-kheo thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ.<sup>110</sup>

Bấy giờ, trong chúng có một Tỳ-kheo suy nghĩ như vậy:

– Biết như thế nào, thấy như thế nào để mau chóng dứt sạch lậu hoặc?

<sup>107</sup> Nguyên tác: Bạt-đà-tát-la thọ (跋陀薩羅樹, Bhaddasāla), một loại cây Sa-la.

<sup>108</sup> Nguyên tác: Bán-xà (半闍).

<sup>109</sup> Nguyên tác: Ba-đà (波陀), một ngôi làng ở Kosambī.

<sup>110</sup> Nguyên tác: Thị, giáo, lợi, hỷ (示, 教, 利, 喜). Cú ngữ này trong *Thất xa kinh* 七車經 (T.01. 0026.9. 0429c28) ghi là “khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu, hoan hỷ” (勸發, 渴仰, 成就, 歡喜), nghĩa là: mở bày (示, *sandasseti*), dạy bảo (教, *samādapeti*), khích lệ (鼓勵, *samuttejeti*) và khiến được hoan hỷ (使歡喜, *sampahamseti*). Ngài Huyền Trang dịch cú ngữ này là “thị hiện, giáo đạo, tán lệ, khánh hỷ” (示現, 教導, 讚勵, 慶喜). Ngài Nghĩa Tịnh dịch là “khai thị, khuyên đạo, tán lệ, khánh hỷ” (開示, 勸導, 讚勵, 慶喜).

Lúc ấy, biết những suy nghĩ trong tâm của Tỳ-kheo kia, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Ở trong chúng này, có Tỳ-kheo đã suy nghĩ như vậy: “Biết như thế nào, thấy như thế nào đê mau chóng dứt sạch lậu hoặc?” Ta đã thuyết pháp: Hãy khéo quán sát các uẩn,<sup>111</sup> đó là bốn niệm xứ,<sup>112</sup> bốn chánh cần,<sup>113</sup> bốn như ý túc,<sup>114</sup> năm căn, năm lực, bảy giác chi<sup>115</sup> và tám Thánh đạo. Ta đã giảng nói giáo pháp như vậy để quán sát các uẩn, vậy mà nay có những người thiện nam không nỗ lực thực hành, không nỗ lực vui thích, không nỗ lực tư duy, không nỗ lực tin tưởng mà tự mình biếng nhác nên không thể tăng tiến để diệt trừ hết thủy lậu hoặc.

Nếu lại có người thiện nam nào đối với pháp của Ta đã giảng nói mà quán sát các uẩn, nỗ lực thực hành, nỗ lực vui thích, nỗ lực tư duy, nỗ lực tin tưởng thì người đó mau diệt trừ hết thủy lậu hoặc.

Phàm phu mê muội thiếu hiểu biết đối với sắc thấy là ngã, nếu thấy ngã thì gọi là hành.

Hành ấy do gì làm nhân? Do gì mà tập khởi? Do gì mà sanh? Do gì mà chuyển? Do xúc chạm vô minh<sup>116</sup> nên khát ái sanh khởi. Duyên vào khát ái ấy mà hành sanh.

Khát ái ấy do gì làm nhân? Do gì mà tập khởi? Do gì mà sanh? Do gì mà chuyển? Khát ái ấy do thọ làm nhân, do thọ mà tập khởi, do thọ mà sanh và do thọ mà chuyển.

Thọ ấy do gì làm nhân? Do gì mà tập khởi? Do gì mà sanh? Do gì mà chuyển? Thọ ấy do xúc làm nhân, do xúc mà tập khởi, do xúc mà sanh, do xúc mà chuyển.

Xúc ấy do gì làm nhân? Do gì mà tập khởi? Do gì mà sanh? Do gì mà chuyển? Xúc ấy do sáu nhập xứ làm nhân, do sáu nhập xứ mà tập khởi, do sáu nhập xứ mà sanh và do sáu nhập xứ mà chuyển. Sáu nhập xứ ấy là vô thường, là pháp hữu vi,<sup>117</sup> là pháp duyên khởi.<sup>118</sup>

Xúc, thọ, ái và hành cũng là vô thường, là pháp hữu vi, là pháp duyên khởi.

Quán sát như vậy mà còn thấy sắc là ngã, hay không còn thấy sắc là ngã mà thấy sắc là ngã sở; không còn thấy sắc là ngã sở mà thấy sắc ở trong ngã; không còn thấy sắc ở trong ngã mà thấy ngã ở trong sắc; không còn thấy ngã ở trong

<sup>111</sup> Nguyên tác: Âm (陰, *khandha*).

<sup>112</sup> Nguyên tác: Tứ niệm xứ (四念處, *satipaṭṭhāna*), còn gọi là “tứ niệm trụ” (四念住).

<sup>113</sup> Nguyên tác: Tứ chánh cần (四正勤, *sammappadhāna*).

<sup>114</sup> Nguyên tác: Tứ như ý túc (四如意足, *iddhipāda*).

<sup>115</sup> Nguyên tác: Thất giác phần (七覺分, *sambojjhaṅga*).

<sup>116</sup> Nguyên tác: Vô minh xúc (無明觸, *avijjāsamphassa*).

<sup>117</sup> Nguyên tác: Hữu vi (有為, *saṅkhata*).

<sup>118</sup> Nguyên tác: Tâm duyên khởi pháp (心緣起法): Các pháp do tâm sanh.

sắc mà thấy thọ là ngã; không còn thấy thọ là ngã mà thấy thọ là ngã sở; không còn thấy thọ là ngã sở mà thấy thọ ở trong ngã; không còn thấy thọ ở trong ngã mà thấy ngã ở trong thọ; không còn thấy ngã ở trong thọ mà thấy tướng là ngã; không còn thấy tướng là ngã mà thấy tướng là ngã sở; không còn thấy tướng là ngã sở mà thấy tướng ở trong ngã; không còn thấy tướng ở trong ngã mà thấy ngã ở trong tướng; không còn thấy ngã ở trong tướng mà thấy hành là ngã; không còn thấy hành là ngã mà thấy hành là ngã sở; không còn thấy hành là ngã sở mà thấy hành ở trong ngã; không còn thấy hành ở trong ngã mà thấy ngã ở trong hành; không còn thấy ngã ở trong hành mà thấy thức là ngã; không còn thấy thức là ngã mà thấy thức là ngã sở; không còn thấy thức là ngã sở mà thấy thức ở trong ngã; không còn thấy thức ở trong ngã mà thấy ngã ở trong thức; không còn thấy ngã ở trong thức, lại khởi đoạn kiến, đoạn diệt kiến;<sup>119</sup> không khởi đoạn kiến và đoạn diệt kiến mà không lìa ngã mạn; người không lìa ngã mạn thì lại thấy ngã, thấy ngã ấy tức là hành.

Hành ấy do gì làm nhân? Do gì mà tập khởi? Do gì mà sanh? Do gì mà chuyển? Như trước đã nói,... (*cho đến*) ngã mạn.

Nếu biết như thế, thấy như thế thì mau chóng diệt trừ hết thảy lậu hoặc.

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*\*

## 58. NGUỒN GỐC CỦA NĂM THỦ UẨN<sup>120</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật ngụ tại giảng đường Lộc Mẫu ở Đông Viên,<sup>121</sup> thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, vào buổi chiều, sau giờ tọa thiền, Thế Tôn trải tòa ngồi ở trước các Tỳ-kheo rồi bảo:

– Có năm thủ uẩn.<sup>122</sup> Thế nào là năm? Là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn và thức thủ uẩn.

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y phục bày vai phải, quỳ gối phải sát đất rồi chấp tay bạch Phật:

<sup>119</sup> Nguyên tác: Hoại hữu kiến (壞有見).

<sup>120</sup> Tựa đề đặt theo nội dung kinh. *Tạp. 雜* (T.02. 0099.58. 0014b12). Tham chiếu: M. 109, *Mahāpunnama Sutta* (*Đại kinh mãn nguyệt*); S. 22.82 - III. 100.

<sup>121</sup> Đông Viên Lộc Mẫu giảng đường (東園鹿母講堂) còn được viết là Đông Viên Lộc Tử Mẫu giảng đường (東園鹿子母講堂, Pubbarāma Migāramātu pāsāda). Đông Viên (東園, Pubbarāma) là tên riêng của một khu vườn nằm bên ngoài cửa Đông của thành Xá-vệ (Sāvatthi); Lộc Mẫu giảng đường (鹿母講堂, Migāramātu pāsāda) là giảng đường được thiện nữ Tỳ-xá-khư (Visākhā) xây dựng cúng dường cho chư Tăng. Theo *DhA.* I. 407, do vì nữ cư sĩ Tỳ-xá-khư (Visākhā) có người con tên là Migāra (鹿) nên cũng được gọi là mẹ của Migāra.

<sup>122</sup> Nguyên tác: Thọ âm (受陰).

– Bạch Thế Tôn! Phải chăng có năm thủ uẩn như vậy: Sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn và thức thủ uẩn?

Phật bảo Tỳ-kheo:

– Thầy hãy trở lại chỗ ngồi rồi hỏi! Ta sẽ giảng nói cho thầy.

Thế rồi, Tỳ-kheo ấy lễ Phật xong, trở về chỗ ngồi của mình rồi bạch Phật:

– Bạch đức Thế Tôn! Năm thủ uẩn này lấy gì làm nguồn gốc? Do gì mà tập khởi? Do gì mà sanh? Do gì mà xúc?

Phật bảo Tỳ-kheo:

– Năm thủ uẩn này lấy dục làm nguồn gốc, do dục mà tập khởi, do dục mà sanh, do dục mà xúc.

Khi nghe Phật dạy như thế, Tỳ-kheo ấy hoan hỷ, tùy hỷ rồi bạch Phật:

– Thế Tôn đã giảng nói năm uẩn bị chấp thủ. Hay thay những lời Ngài dạy! Bạch đức Thế Tôn! Nay con lại xin hỏi: Uẩn này bị chấp thủ hay năm uẩn khác bị chấp thủ?

Phật bảo Tỳ-kheo:

– Chẳng phải năm uẩn này bị chấp thủ, cũng chẳng phải năm uẩn khác bị chấp thủ mà nơi nào có dục tham thì nơi đó năm uẩn bị chấp thủ.

Tỳ-kheo bạch Phật:

– Lành thay! Bạch đức Thế Tôn! Thật hoan hỷ và tùy hỷ. Bạch đức Thế Tôn! Cho con xin hỏi lần nữa: Có hai uẩn tương quan chăng?

Phật bảo Tỳ-kheo:

– Đúng thế! Đúng thế! Nếu có một người suy nghĩ như vậy: “Ta ở đời tương lai sẽ được sắc như vậy, thọ như vậy, tưởng như vậy, hành như vậy, thức như vậy.” Nay Tỳ-kheo! Đó gọi là uẩn và uẩn tương quan.

Tỳ-kheo bạch Phật:

– Lành thay những lời Ngài dạy! Thật hoan hỷ và tùy hỷ. Bạch đức Thế Tôn! Con xin hỏi thêm: Thế nào gọi là uẩn?

Phật bảo Tỳ-kheo:

– Những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc tương lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần, tất cả đều gọi chung là uẩn. Đó gọi là uẩn. Thọ, tưởng, hành và thức cũng lại như vậy. Như thế, này Tỳ-kheo! Đó gọi là uẩn.

Tỳ-kheo bạch Phật:

– Lành thay những lời Ngài dạy! Thật hoan hỷ và tùy hỷ. Bạch đức Thế Tôn! Con xin được hỏi thêm: Do nhân gì, do duyên gì mà gọi là sắc uẩn? Do nhân gì, do duyên gì mà gọi là thọ, tưởng, hành và thức uẩn?

Phật bảo Tỳ-kheo:

– Do bốn đại làm nhân, bốn đại làm duyên nên gọi là sắc uẩn. Vì sao như vậy? Vì những gì thuộc về sắc uẩn thì tất cả chúng đều do duyên bốn đại, do bốn đại tạo thành.

Do xúc làm nhân, xúc làm duyên sanh khởi thọ, tưởng và hành, cho nên gọi là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Vì sao như vậy? Vì nếu những gì thuộc về thọ, tưởng và hành thì tất cả chúng đều do xúc làm duyên.

Do danh sắc làm nhân, danh sắc làm duyên, cho nên gọi là thức uẩn. Vì sao như vậy? Vì nếu những gì thuộc về thức thì tất cả chúng đều do danh sắc làm duyên.

Tỳ-kheo bạch Phật:

– Lành thay những lời Ngài dạy! Thật hoan hỷ và tùy hỷ. Bạch đức Thế Tôn! Con xin được hỏi thêm: Thế nào là vị ngọt của sắc? Thế nào là tai họa của sắc? Thế nào là sự thoát ly sắc? Thế nào là vị ngọt của thọ, tưởng, hành và thức? Thế nào là tai họa của thức? Thế nào là sự thoát ly thức?

Phật bảo Tỳ-kheo:

– Duyên vào sắc, hỷ lạc sanh khởi, đó gọi là vị ngọt của sắc.

Vì sắc vô thường, là khổ, là pháp biến đổi nên gọi đó là tai họa của sắc.

Nếu đối với sắc mà điều phục được dục tham, đoạn trừ dục tham, vượt thoát dục tham, đó gọi là sự thoát ly sắc.

Nếu duyên vào thọ, tưởng, hành và thức mà sanh khởi hỷ lạc, đó gọi là vị ngọt của thức.

Thọ, tưởng, hành và thức là vô thường, là khổ, là pháp biến đổi, đó gọi là tai họa của thức.

Đối với thọ, tưởng, hành và thức mà điều phục được dục tham, đoạn trừ dục tham, vượt thoát dục tham, đó gọi là sự thoát ly thức.

Tỳ-kheo bạch Phật:

– Lành thay những lời Ngài dạy! Thật hoan hỷ và tùy hỷ. Bạch đức Thế Tôn! Con xin được hỏi thêm: Do đâu mà sanh ngã mạn?

Phật bảo Tỳ-kheo:

– Phàm phu mê muội thiếu hiểu biết nên đối với sắc thấy là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau; đối với thọ, tưởng, hành và thức thấy là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau, từ đây sanh ra ngã mạn.

Tỳ-kheo bạch Phật:

– Lành thay những lời Ngài dạy! Thật hoan hỷ và tùy hỷ. Bạch đức Thế Tôn! Con lại xin hỏi thêm: Làm thế nào để không còn ngã mạn?

Phật bảo Tỳ-kheo:

– Vị Thánh đệ tử đa văn đối với sắc không thấy là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau; đối với thọ, tưởng, hành và thức cũng không thấy là ngã, khác ngã, hoặc ở trong nhau.

Tỳ-kheo bạch Phật:

– Lành thay những lời Ngài dạy! Bạch đức Thế Tôn! Con xin được hỏi thêm: Biết những gì, thấy những gì thì mau chóng đoạn trừ hết thủy lậu hoặc?

Phật bảo Tỳ-kheo:

– Những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc tương lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần, tất cả chúng đều chẳng phải là ngã, chẳng khác ngã cũng chẳng ở trong nhau. Thọ, tưởng, hành và thức cũng lại như thế.

Này Tỳ-kheo! Nếu biết như thế, thấy như thế thì mau chóng đoạn trừ hết thủy lậu hoặc.

Bấy giờ, trong hội chúng có một thầy Tỳ-kheo căn tánh chậm lụt, không hiểu biết, bị vô minh che lấp nên khởi tà kiến xấu ác, nghĩ rằng: “Nếu đã là vô ngã thì nghiệp do vô ngã tạo, vậy ai sẽ thọ nhận quả báo trong đời sau?”

Lúc ấy, biết những suy nghĩ trong tâm của Tỳ-kheo kia, Thế Tôn liền bảo các Tỳ-kheo:

– Ở trong chúng này, có kẻ ngu si, thiếu trí tuệ suy nghĩ rằng: “Nếu sắc vô ngã; thọ, tưởng, hành và thức vô ngã thì nghiệp do vô ngã tạo, vậy ai sẽ thọ nhận quả báo?” Những điều nghi ngờ như thế, trước đây Ta đã giải thích. Này Tỳ-kheo! Thế nào, sắc là thường hay sắc là vô thường?

Tỳ-kheo đáp:

– Bạch Thế Tôn, là vô thường!

– Nếu vô thường là khổ chẳng?

Đáp:

– Bạch Thế Tôn, là khổ!

– Nếu là vô thường, là khổ, là pháp biến đổi, vị Thánh đệ tử đa văn đối với pháp ấy có nên thấy là ngã, là khác ngã, hoặc ở trong nhau chẳng?

Đáp:

– Thừa không, bạch đức Thế Tôn!

– Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế. Vậy nên, này Tỳ-kheo! Những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc tương lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần, tất cả chúng đều chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở. Thấy như thế gọi là chánh kiến. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế.

Vị Thánh đệ tử đa văn quán sát như thế, liền tu tập sự nhàm chán; nhàm chán rồi thì lià dục; đã lià dục thì được giải thoát và thấy biết rằng đã được giải

thoát: “Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh.”

Khi đức Phật nói kinh này xong, số đông Tỳ-kheo không sanh khởi các lậu hoặc, tâm được giải thoát.

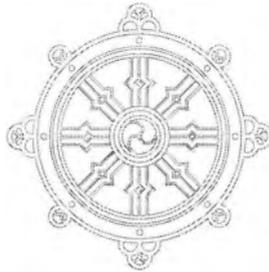
Đức Phật giảng nói kinh này rồi, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

\*

Kệ tóm tắt:

Uẩn, Căn, Âm tức thọ,  
Danh tự, Nhân, Nhị vị,

Nhị uẩn cộng Tương quan,  
Nhị ngã mạn, Tật lậu tận.<sup>123</sup>



---

<sup>123</sup> Nguyên tác Nhiếp tụng: 陰, 根, 陰即受; 二陰共相關; 名字, 因, 二味; 二我慢, 疾漏盡. Do đặt lại tựa đề nên Nhiếp tụng không trùng với tên kinh. Bản Hán, hết quyển 2.